TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Phương;

Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa:* Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1981, chị Trần Thị H, sinh năm: 1987; cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H cùng ủy quyền cho ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974, anh Phạm Quốc V, sinh năm: 1987; cùng địa chỉ: đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2023 và ngày 04/5/2023.

Bị đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm: 1974, bà Lý Thị S, sinh năm: 1977; cùng địa chỉ: thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông S, anh V có mặt, ông A, bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày thì: Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 01/10/2022 bà Lý Thị S có vay của anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H số tiền 550.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/11/2022 thì trả, lãi suất do hai bên thỏa thuận 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau khi nhận tiền thì chị H có viết giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022, bà S ký nhận tiền và lăn tay vào giấy mượn tiền. Sau khi vay, bà S có thế chấp cho vợ chồng anh S, chị H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 769529 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 12/7/2012 cho ông Phạm Văn A và bà Lý Thị S. Việc thế chấp hai bên chỉ giao tay với nhau, không lập hợp đồng thế chấp và không được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Đến hẹn trả nợ, nhiều lần anh S, chị H yêu cầu bà S trả nợ nhưng bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà S vay tiền của anh S, chị H là để làm ăn kinh tế, buôn bán ở chợ và mua đất nên đây là nợ chung của vợ chồng ông A, bà S.

Nay anh S, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn A, bà Lý Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H số tiền nợ gốc chưa trả là 550.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 02 tháng với mức lãi suất 20%/năm là 18.333.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 23/8/2023 là 8 tháng 22 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 120.083.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 688.416.000 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 30%/năm cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 và lời trình bày của bị đơn bà Lý Thị S trình bày thì: Bà và anh S, chị H có quen biết nhau do ở cùng thôn. Quá trình quen biết bà có vay hai lần tiền của anh S, chị H. Lần thứ nhất bà có vay của anh S, chị H số tiền 40.000.000 đồng (vào năm 2022, bà không nhớ ngày tháng vay), lần thứ hai bà vay của vợ chồng anh S, chị H số tiền 350.000.000 đồng (vay vào năm 2022, bà không nhớ ngày, tháng vay). Mục đích bà vay tiền để trả nợ cho những người khác mà trước đây bà đã vay tiền của họ, không sử dụng vào mục đích gia đình. Khi bà vay số tiền 390.000.000 đồng của anh S, chị H thì bà không nói với gia đình, chồng bà không biết việc vay mượn số tiền này của bà.

Sau khi vay số tiền 390.000.000 đồng của anh S, chị H thì bà có thế chấp (đưa tay) cho anh S, chị H bản chính một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 769529 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 12/7/2012 cho ông Phạm Văn A và bà là Lý Thị S. Việc thế chấp hai bên chỉ đưa tay với nhau, không lập hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 01/10/2022 chị H đưa người đến ép buộc bà phải ký, lăn tay vào giấy mượn tiền. Khi bà ký, lăn tay vào giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022 thì chị H không đọc nội dung trong giấy mượn tiền này cho bà nghe, bà không biết chữ nên

không đọc được nội dung trong giấy mượn tiền này. Khi chị H bắt bà ký, lăn tay vào giấy mượn tiền này thì có chồng bà là ông Phạm Văn A chứng kiến, sau đó ông Phạm Văn A có đến Công an xã H trình báo sự việc.

Bà chỉ vay của anh S, chị H số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này cho anh S, chị H. Số tiền còn lại là 160.000.000 đồng còn lại thì bà không vay của anh S, chị H nên không đồng ý trả số tiền này. Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu trả thì do bà gặp khó khăn, nợ nhiều người nên bà xin không trả tiền lãi.

Bà đã được Tòa án giải thích và bà đã nhận được văn bản số 69/TB-TA ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh nhưng bà không khởi kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên vì đòi không được.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn A thì: Ông và anh S, chị H cùng thôn với nhau nên có quen biết nhau. Tuy nhiên trên thực tế ông không hề vay mượn gì tiền của anh S, chị H cả. Giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2022 mà Tòa án cung cấp cho ông cùng với bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn thì ông không biết giấy mượn tiền này là do ai viết. Sau đó thì chị H dẫn gia đình đến nhà ông bắt ông ký giấy nhận nợ nhưng ông không vay mượn tiền gì của anh S, chị H nên ông không ký vào giấy mượn nợ vì ông chưa xác định được việc vợ ông là bà S mượn tiền của anh S, chị H bao nhiêu tiền. Sau đó chị H bắt vợ ông ký, lăn tay vào giấy mượn tiền nói trên. Việc vợ ông là bà S ký và lăn tay vào giấy mượn tiền nói trên là do bị chị H ép buộc ký và lăn tay. Sau khi bà S ký và lăn tay vào giấy mượn tiền nói trên thì ông có đến Công an xã H trình báo bằng miệng. Công an xã H có ghi nhận ý kiến trình báo của ông, sau khi ông trình báo sự việc đến Công an xã H thì chị H ít đến nhà uy hiếp buộc vợ chồng ông trả nợ hơn.

Qua trao đổi thì vợ ông là bà S thừa nhận có nợ của vợ chồng anh S, chị H số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng.

Ông biết bà S thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 769529 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 12/7/2012 cho anh S, chị H vào tháng 11/2022 nhưng ông không có ý kiến gì. Ông đã được Tòa án giải thích và đã nhận được văn bản số 69/TB-TA ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về việc có quyền khởi kiện anh Sơn, chị Huệ để đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông không khởi kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đòi không được. Gia đình ông mỗi năm dư giả từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng thì tại sao vợ ông lại phải đi vay tiền của nhiều người khác với số tiền lớn.

Nay anh S, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vợ chông ông có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn S, bà Lý Thị S số tiền nợ gốc chưa trả là 550.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 02 tháng

với mức lãi suất 20%/năm là 18.333.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 23/8/2023 là 8 tháng 22 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 120.083.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 688.416.000 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 30%/năm cho đến khi xét xử sơ thẩm thì mặc dù ông không vay tiền của anh S, chị H nhưng ông đồng ý cùng có trách nhiệm với vợ ông là bà S trả cho anh S, chị H số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng, số tiền còn lại 160.000.000 đồng vợ ông là bà S không thừa nhận có vay của anh S, chị H nên ông không đồng ý trả số tiền này. Nếu anh S, chị H cho rằng bà S vay số tiền 160.000.000 đồng này phải có chứng cứ chứng minh. Đối với số tiền lãi thì do ông đã phải trả nợ nhiều lần thay cho bà S nên ông không còn khả năng trả nữa, ông xin không trả lãi cho anh S, chị H.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông A, bà S có trách nhiệm liên đới trả số tiền 700.872.317 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 550.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 01 tháng 29 ngày với mức lãi suất 20%/năm là 17.955.657 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 21/9/2023 là 09 tháng 20 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 132.916.660 đồng); bị đơn ông A, bà S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh S, chị H; buộc ông A, bà S có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 700.872.317 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 550.000.000 đồng đồng, tiền nợ lãi trong hạn kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 01 tháng 29 ngày với mức lãi suất 20%/năm là 17.955.657 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 21/9/2023 là 09 tháng 20 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 132.916.660 đồng).

Về án phí: Buộc bị đơn ông A, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của anh S, chị H yêu cầu ông A, bà S thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn ông A, bà S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông A, bà S có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng thì thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022, bà Lý Thị S có vay của anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H số tiền 550.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/11/2022 sẽ trả. Sau khi nhận tiền thì chị H có viết giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022, bà S ký nhận tiền và lăn tay vào giấy mượn tiền. Bà S thừa nhận có vay hai lần tiền của anh S, chị H vào năm 2022 với tổng số tiền là 390.000.000 đồng, giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022 với số tiền vay là 550.000.000 đồng bà thừa nhận là chữ ký, điểm chỉ của bà S. Theo bà S trình bày thì khi vay tiền của anh S, chị H, bà có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 769529 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 12/7/2012 đứng tên vợ chồng ông A, bà S cho vợ chồng anh S, chị H. Bà S cho rằng khi ký, lăn tay vào giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022 là do chị H ép buộc bà ký, lăn tay dưới sự chứng kiến của ông Phạm Văn A. Ông Phạm Văn A thừa nhận có thấy bà S ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền và ông A, bà S đều trình bày sau khi bà S bị chị H ép buộc ký, lăn tay vào giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022 thì sau khi bà S ký, lăn tay vào giấy mượn tiền, ông A đã trình báo sự việc với Công an xã H. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 11/8/2023 của Tòa án tại Công an xã H, huyện Di Linh thể hiện *"Ngày 01/10/2022 ông Phạm Văn A không có đến trụ sở Công an xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để trình báo về việc vợ ông là bà Lý Thị S bị bà Trần Thị H đưa người đến ép buộc bà S phải ký, lăn tay vào giấy mượn tiền ngày 01/10/2022"* và còn thể hiện việc *"Bà Lý Thị S còn vay mượn tiền của nhiều hộ gia đình khác trên địa bàn xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng"*. Ông Phạm Văn A có biết việc vào ngày 01/10/2022 bà Sự có ký, lăn tay vào giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022, biết được việc bà S đã thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 769529 đứng tên vợ chồng ông nói trên vào tháng 11/2022 cho anh S, chị H nhưng từ đó đến nay cũng không có ý kiến gì. Bà S chỉ thừa nhận có vay của anh S, chị H số tiền 390.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông A, bà S chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 390.000.000

đồng cho anh S, chị H mà không đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 160.000.000 đồng cho anh S, chị H nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông A, bà S không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc đã trả số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng cho nguyên đơn, nguyên đơn lại không thừa nhận. Ông Phạm Văn A có biết việc bà S ký, lăn tay giấy vay tiền; có biết việc bà S thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S, chị H nhưng không có ý kiến gì, không trình báo chính quyền địa phương, không khởi kiện yêu cầu anh S, chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 769529 nói trên và đồng ý cùng bà S trả số tiền 390.000.000 đồng cho anh S, chị H nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông A, bà S nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông A, bà S có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng là cơ sở chấp nhận.

[3.2.] Đối với yêu cầu trả lãi thì: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2022 thể hiện bà S vay của anh S, chị H số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/11/2022, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do lãi suất hai bên thỏa thuận cao hơn quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 01 tháng 29 ngày với mức lãi suất 20%/năm là 17.955.657 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2023 là 09 tháng 20 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 132.916.660 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, đối với tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu trả thì bị đơn ông A, bà S xác định không còn khả năng trả nên xin không trả lãi cũng như không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả cho anh S, chị H số tiền lãi nào. Nguyên đơn không đồng ý giảm lãi cho bị đơn nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông A, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* đối với vợ chồng ông Phạm Văn A, bà Lý Thị S, xử:

1. Buộc ông Phạm Văn A, bà Lý Thị S phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H số tiền 700.872.317 *(Bảy trăm triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm mười bảy)* đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 550.000.000 (*Năm trăm năm mươi triệu)* đồng, tiền nợ lãi là 150.872.317 *(Một trăm năm mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm mười bảy*) đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Phạm Văn A, bà Lý Thị S phải chịu 32.034.893 *(Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi ba)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Bùi Văn S, chị Trần Thị H số tiền 14.934.160 đồng *(Mười bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi)* đồng tạm ứng án phí dân sơ thẩm mà anh S, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014026 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn ông A, bà S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến